

Số: 1697 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn
ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008;

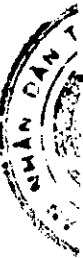
Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2016, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1601/STC-HCVX ngày 29/7/2016 về việc đề xuất danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với đất khu vực đô thị cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- CPVP;
- Các CV UBND TP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

**Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội
hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1697/QĐ-UBND
ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI XÃ HỘI HÓA

I. Lĩnh vực giáo dục – đào tạo:

- Trường mầm non.
- Trường tiểu học.
- Trường trung học cơ sở.
- Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Trường trung cấp chuyên nghiệp.
- Trường cao đẳng, đại học.

II. Lĩnh vực dạy nghề:

- Trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề.
- Cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật.

III. Lĩnh vực y tế:

- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám đa khoa.
- Bệnh viện chuyên khoa, Bệnh viện đa khoa.
- Cơ sở bảo trợ xã hội.

IV. Lĩnh vực văn hóa, thể dục – thể thao:

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, gồm: Rạp chiếu phim; trung tâm văn hóa các quận, huyện; trung tâm văn hóa các xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa các thôn, tổ dân phố; nhà hát.

- Hệ thống thể dục - thể thao các cấp, gồm: Hệ thống sân vận động; nhà thi đấu thể thao; nhà luyện tập thể dục, thể thao; bể bơi; công viên.

- Hệ thống nhà văn hóa, thể thao tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

V. Lĩnh vực môi trường:

- Thu gom, vận chuyển rác thải, rác thải nguy hại.
- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).



- Xây dựng hệ thống thu gom rác thải, nước thải nông thôn.
- Xử lý rác thải (đô thị, nông thôn); xử lý chất thải quy mô nhỏ phân tán; xử lý rác thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).
- Xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).
- Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn.
- Xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị.
- Sản xuất năng lượng tái tạo từ gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường.
- Cung cấp nước sạch; cơ sở cung cấp nước sinh hoạt nông thôn quy mô nhỏ.
- Quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường; sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường; sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải.
- Khắc phục sự cố môi trường và các dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ; cơ sở hỏa táng, điện táng.

VI. Lĩnh vực giám định tư pháp:

Các cơ sở giám định tư pháp theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI XÃ HỘI HÓA

I. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

Theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

1. Huyện đảo Bạch Long Vỹ.
2. Huyện đảo Cát Hải.

II. Địa bàn huyện:

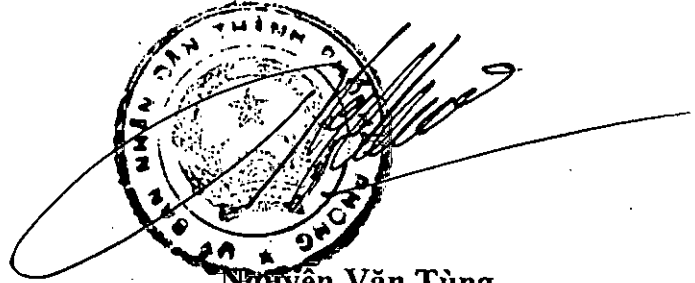
1. Huyện An Dương.
2. Huyện Thủy Nguyên.
3. Huyện Kiến Thụy.
4. Huyện An Lão.
5. Huyện Tiên Lãng.
6. Huyện Vĩnh Bảo.

III. Địa bàn quận:

1. Quận Hồng Bàng.

2. Quận Ngô Quyền.
3. Quận Lê Chân.
4. Quận Kiến An.
5. Quận Hải An.
6. Quận Đồ Sơn.
7. Quận Dương Kinh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng